

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

PHẦN 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

1.1 Nhận dạng hóa chất

Tên thương mại	: Paraxylene
Tên khác	: P-xylene; Para-xylene; P-methyltoluene; 1, 4-DimethylP-xylene; aromatic.
Mục đích sử dụng	: Nguyên liệu cho công nghiệp hóa dầu
Số CAS	: 106-42-3
Số UN	: 1307
Số EC	: 203-396-5

1.2 Số điện thoại khẩn cấp : Tại NSRP: +84(0) 2378738541/ Số nhánh: 6700 hoặc 6701

1.3 Tên nhà sản xuất và địa chỉ : Công ty TNHH Lộc Hóa dầu Nghi Sơn
Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Hải Yến, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.
Số điện thoại: +84(0) 237 8738 540
Số fax: +84(0) 237 8738 542
Web: <https://nsrp.vn>

PHẦN 2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

2.1 Phân loại theo hệ thống GHS:

Chất lỏng dễ cháy	: Mức 3
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh	: Mức 2
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh	: Mức 2
Độc cấp tính hô hấp	: Mức 4
Ăn mòn/kích ứng da	: Mức 2
Độc tính sinh sản	: Mức 2
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn	: Mức 1
Nguy hại hô hấp	: Mức 1

2.2 Hình đồ cảnh báo:



2.3 Từ cảnh báo: Nguy hiểm

2.4 Thông báo nguy hại

H226	: Hơi và chất lỏng dễ cháy
H304	: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải
H312	: Gây tổn thương da khi tiếp xúc
H315	: Gây kích ứng da
H332	: Gây tổn thương phổi nếu hít phải
H336	: Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt
H361	: Nghi ngờ gây tổn hại khả năng sinh sản
H370	: Gây tổn hại cho các cơ quan chức năng



- H372 : Gây tổn thương đến các cơ quan cơ thể nếu tiếp xúc trong thời gian dài hoặc lặp đi lặp lại như: hệ thần kinh trung ương, hệ thống tạo máu
- H400 : Rất độc cho môi trường thủy sinh
- H411 : Độc với môi trường thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài

2.5 Thông báo phòng ngừa

- P210 : Tránh xa các nguồn lửa, tia lửa, nguồn sinh nhiệt, bề mặt sinh nhiệt. Không hút thuốc gần với hóa chất.
- P233 : Giữ hóa chất kín trong thùng
- P240 : Có thiết bị tiếp đất đối với các thùng chứa hóa chất
- P241 : Sử dụng các thiết bị thông hơi, phát sáng, chống tia lửa điện.
- P242 : Chỉ sử dụng những thiết bị chống tia lửa điện
- P243 : Phải có các phương pháp xả tĩnh điện
- P260 : Không hít hơi, bụi, hơi phun của hóa chất
- P264 : Rửa sạch da sau khi xử lý hóa chất
- P270 : Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này
- P271 : Chỉ sử dụng hóa chất ở nơi thông thoáng ngoài hoặc ở khu vực có sự thông hơi tốt.
- P280 : Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ như kính bảo hộ, quần áo bảo hộ, kính che toàn mặt nếu cần, găng tay bảo hộ, giày bảo hộ đầy đủ.

2.6 Biện pháp ứng biến sự cố

- P303+P361+P353 : Nếu tiếp xúc với da: cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn, rửa sạch vùng da bị nhiễm hóa chất với nhiều nước
- P302+P352 : Nếu sản phẩm tiếp xúc vào da: rửa sạch với xà phòng và nhiều nước
- P304+P340 : Nếu hít phải: Đưa nạn nhân đến nơi thoáng khí và để nạn nhân ở vị trí thoải mái sao cho dễ thở.
- P305+P351+P338 : Nếu tiếp xúc mắt: Rửa sạch với nhiều nước trong vài giờ. Loại bỏ kính áp tròng nếu có thể dễ dàng thực hiện. Tiếp tục rửa sạch
- P312 : Tìm kiếm sự trợ giúp từ bác sĩ, trung tâm phòng chống độc nếu cảm thấy không khỏe
- P337+P313 : Nếu kích ứng mắt còn tồn tại: tìm kiếm sự giúp đỡ từ y tế

2.7 Lưu trữ

- P403+P235 : Lưu trữ tại nơi thông thoáng, mát mẻ
- P405 : Khóa kho cẩn thận
- P403+P233 : Lưu trữ trong khu vực thông thoáng tốt. Chứa trong thùng chứa kín đáo

2.8 Thải bỏ

- P501 : Việc thải bỏ phải tuân thủ theo những quy định về thải bỏ chất thải của địa phương, quốc gia, quốc tế

PHẦN 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên hóa chất	Số CAS	Hàm lượng (% theo khối lượng)
P-xylene	106-42-3	≥ 99.7
m-xylene	108-38-3	≤ 0.2
O-xylene	95-47-6	≤ 0.1
Lưu huỳnh	7704-34-9	≤ 0.5 ppm



Hydrocarbon không thơm - ≤ 0.05

PHẦN 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ

Tiếp xúc theo đường mắt	: Đưa nạn nhân ra nơi an toàn, thoáng mát. Gỡ bỏ kính áp tròng nếu có để dễ dàng thực hiện. Nhanh chóng rửa mắt dưới vòi nước sạch ít nhất 15 phút trong khi giữ mí mắt mở. Yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế.
Tiếp xúc da	: Tháo bỏ giày dép và quần áo. Sử dụng nước và xà phòng rửa sạch vùng da bị nhiễm hóa chất. Giặt sạch quần áo và giày bị nhiễm hóa chất trước khi sử dụng lại.
Tiếp xúc theo đường hô hấp	: Di chuyển nạn nhân đến nơi an toàn, không khí trong lành và để nạn nhân nằm nghỉ ngơi ở vị trí dễ hô hấp. Nới lỏng cổ áo, cà vạt hoặc dây thắt lưng để nạn nhân dễ thở. Nếu nạn nhân ngừng thở, thở không đều hoặc khó thở phải sử dụng các biện pháp trợ thở, hô hấp nhân tạo (được thực hiện bởi nhân viên đã được đào tạo về Sơ cấp cứu ban đầu) và đưa đi cấp cứu kịp thời.
Tiếp xúc theo đường tiêu hóa	: Rửa sạch miệng cho nạn nhân. Tuyệt đối không được khuyến khích, trợ giúp nạn nhân nôn mửa vì có thể gây biến chứng phổi trừ khi được sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu nôn mửa xảy ra tự nhiên cần giữ đầu của nạn nhân ở vị trí thấp để chất nôn không tràn vào phổi. Súc miệng bằng nước. Không được cho nạn nhân nuốt bất cứ thứ gì khi đã bất tỉnh. Nhanh chóng yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế.
Chú ý	: Người trợ giúp có thể gặp nguy hiểm khi tiến hành hô hấp nhân tạo. Yêu cầu sự trợ giúp của nhân viên y tế

PHẦN 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các chất độc tạo ra khi cháy	: Khí CO
Phương tiện chữa cháy thích hợp	: CO ₂ , hóa chất khô, nước dạng phun sương ...
Mối nguy có thể xảy ra khi chữa cháy	: Đám cháy có thể bùng cháy trở lại ngoài khoảng cách đã ước định.
Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy	: Thiết bị chữa cháy cố định, xe ô tô chữa cháy, xe đẩy bột, bình khí CO ₂ , bình bột... Mang đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp như mũ bảo hộ, quần áo bảo hộ, găng tay, ủng bảo hộ chịu nhiệt và mặt nạ phòng độc hoặc bình dưỡng khí SCBA

PHẦN 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố	: Sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Cô lập khu vực xảy ra sự cố. Sơ tán những nhân viên không phận sự. Thông báo cho đội ứng phó tình huống khẩn cấp hoặc nhân viên phòng cháy chữa cháy. Kiểm tra nồng độ khí cháy nổ ở khu vực xung quanh
Cảnh báo, phòng ngừa về môi trường	: Không được để hóa chất thoát vào môi trường. Tránh để hóa chất thấm vào lòng đất. Nếu sông, hồ, cống rãnh, mương thoát nước bị nhiễm hóa chất phải thông báo cho cơ quan chức năng
Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố	: Tránh hít phải hơi sản phẩm. Sơ tán nhân viên đến nơi an toàn. Đảm bảo thông gió tốt khu vực xảy ra sự cố. Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa

PHẦN 7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	: Tránh để dưới ánh nắng mặt trời. Tránh hít phải hơi hay sương. Tránh nguồn cháy nổ- không hút thuốc. Đo kiểm tra để tránh tích tụ nguồn tĩnh điện. Không được ném thử hoặc nuốt - Nghiêm cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực sử dụng, cất giữ và sản xuất hóa chất. Tránh thải hóa chất ra môi trường. Sử dụng
--	---

các phương tiện bảo hộ cá nhân khi tiếp xúc với hóa chất. Rửa tay và vệ sinh sạch sẽ sau khi làm việc.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản: Bảo quản và sử dụng hoá chất tại khu vực tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa hay ngọn lửa. Thiết bị chứa phải được đóng kín nắp, bảo quản tại nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, dán nhãn rõ ràng, không được gỡ bỏ nhãn trên thiết bị chứa. Thiết bị chứa rỗng hoặc chứa một phần hóa chất có thể chứa hơi/khí dễ cháy nổ. Tránh các tác động vật lý lên bồn, thùng chứa. Không được hàn, cắt, khoan, mài hoặc thực hiện các thao tác tương tự trên thiết bị chứa. Sử dụng các thiết bị chứa đảm bảo an toàn. Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động. Tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn của Nhà nước.

PHẦN 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

8.1 Các thông số kiểm soát

Tiêu chuẩn	Giá trị	Thông số kiểm soát
ACGIH	TLV-TWA	100 ppm
ACGIH	TLV-STEL	150 ppm

8.2 Phương tiện bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt	: Sử dụng kính bảo hộ để tránh hóa chất bắn vào mắt
Bảo vệ tay	: Mang găng tay chống hóa chất đặc thù khi làm việc với hóa chất
Bảo vệ thân thể	: Mặc quần áo bảo hộ lao động phù hợp
Bảo vệ hô hấp	: Sử dụng mặt nạ toàn mặt loại đa chức năng (US) hoặc loại ABEK (EN 14387) nếu đánh giá rủi ro chỉ ra rằng cần sử dụng mặt nạ lọc khí. Nếu thiết bị thở là phương tiện bảo hộ thì sử dụng loại bảo vệ toàn mặt. Sử dụng thiết bị thở và các thiết bị khác đã được kiểm tra và áp dụng theo tiêu chuẩn quốc gia phù hợp như NIOSH (US) hay CEN (EU)
Bảo vệ cá nhân	: Vòi tắm, bồn rửa mắt trong trường hợp khẩn cấp phải được lắp đặt gần khu vực làm việc với hóa chất. Thực hiện tốt vệ sinh cá nhân. Tránh để da tiếp xúc với hóa chất trong thời gian dài hoặc lặp lại nhiều lần. Rửa tay sạch trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh. Không sử dụng dung môi hoặc các chất tẩy rửa mạnh để rửa hóa chất này khi dính vào da. Nhanh chóng cởi bỏ quần áo bị nhiễm hóa chất và giặt sạch trước khi tái sử dụng

PHẦN 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý	: Lỏng
Điểm sôi (°C)	: 138
Màu sắc	: Trong
Điểm đóng rắn/ Điểm nóng chảy (°C)	: Không có thông tin
Mùi	: Đặc trưng
Điểm chớp cháy (°C)	: Không có thông tin
Áp suất hơi (ở 20°C) (mmHg)	: Không có thông tin
Nhiệt độ tự cháy °C	: Không có thông tin
Tỉ trọng hơi (Không khí =1)	: Không có thông tin
Giới hạn nồng độ cháy dưới	: Không có thông tin
Giới hạn nồng độ cháy trên	: Không có thông tin
Độ hòa tan trong nước	: Không có thông tin
Độ pH	: Không có thông tin

Tỷ trọng (15.6°C/ 15.6°C)	: 0.864-0.867
Hệ số phân lớp Log Kow	: Không có thông tin
Chỉ số Br (mg/100g)	: ≤ 20
Độ nhớt động học (mm ² /s)	: Không có thông tin
Ngưỡng gây mùi	: Không có thông tin
Khoảng chưng cất (760 mmHg)	: ≤ 2
Tính dễ cháy	: Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	: Không có thông tin
Chỉ số hàm lượng Clo	: < 1 ppm

PHẦN 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Các chất không tương thích	: Axit, bazơ, các hợp chất halogen, chất oxy hóa mạnh, muối kim loại
Tính ổn định	: Sản phẩm này có tính ổn định ở điều kiện nhiệt độ, áp suất thường, tránh nhiệt độ cao và nguồn lửa.
Phản ứng nguy hiểm	: Ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh. Khi cháy sinh ra khí độc CO
Phản ứng phân hủy và sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: CO, CO ₂ .

PHẦN 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Nhiễm độc đường miệng cấp tính	: LD50: 4029 mg/kg (Loài: chuột)
Nhiễm độc đường hô hấp cấp tính	: LD50: 4740 ppm (Loài: Chuột)
Ảnh hưởng mãn tính với người	: Chất gây độc cho máu, cật và hệ thần kinh.
Ảnh hưởng độc khác	: Gây nguy hại khi tiếp xúc với da, tiêu hóa và hô hấp.

PHẦN 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc đối với sinh vật		
Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Cá: Marone saxatilis (striped bass)	96h	2.6 mg/l
Tảo: Chlamydomonas angulosa	72h	3.2 mg/l
Mức độ phân hủy sinh học	: Dễ dàng	
Khả năng tích lũy sinh học	: Không có thông tin	
Độ linh động trong đất	: Không có thông tin	

PHẦN 13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Thông tin quy định tiêu hủy	: không có thông tin
Xếp loại nguy hiểm của chất thải	: không có thông tin
Biện pháp tiêu hủy	: Đối với hóa chất này, đốt trong lò đốt rác hóa chất có gắn lò đốt phụ và bộ lọc hơi đốt nhưng tuyệt đối cẩn thận với việc bắt lửa do đây là hóa chất rất dễ cháy. Tham khảo tất cả các quy định môi trường của địa phương, toàn quốc. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ xử lý rác thải chuyên nghiệp để thải bỏ. Đối với bao bì, bình chứa: thải bỏ như sản phẩm không sử dụng

PHẦN 14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

14.1 Quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của Việt Nam:

Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ:



Tên hàng hóa : P-xylene
Số UN : 1307
Loại : 3

Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa:

Tên hàng hóa : P-xylene
Số UN : 1307
Loại : 3
Phương tiện vận chuyển : Tàu biển

14.2 Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Quốc tế:

Quy định vận chuyển hàng hóa nguy hiểm Châu Âu bằng đường bộ

Tên hàng hóa : P-xylene
Số UN : 1307
Loại : 3
Quy cách đóng gói : III

Quy định vận chuyển hàng hóa nguy hiểm Úc bằng đường bộ

Tên hàng hóa : P-xylene
Số UN : 1307
Loại : 3
Quy cách đóng gói : III

Quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm quốc tế bằng đường biển (IMDG)

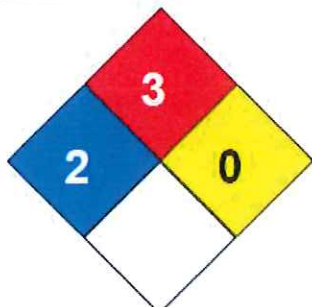
Tên hàng hóa : P-xylene
Số UN : 1307
Loại : 3
Quy cách đóng gói : III
Phương tiện vận chuyển : Tàu biển

PHẦN 15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

15.1 Quy định pháp luật Việt Nam

Luật số 06/2007/QH12 : Luật hóa chất
Luật số 27/2001/QH10 : Luật phòng cháy chữa cháy
Luật số 52/2005/Q11 : Luật bảo vệ môi trường
Luật số 10/2012/QH13 : Luật lao động
Nghị định 113/2017/NĐ-CP : Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa Chất.
Nghị định 104/2009/NĐ-CP : Quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm
Thông tư 32/2017/TT-BCT : Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
Thông tư 44/2012/TT-BCT : Quy định danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa
TCVN 5507:2002 : Hóa chất nguy hiểm – Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển
15.2 Quy định của Quốc tế : Không có thông tin

PHẦN 16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC



Mức nguy hại sức khỏe: 2
Mức độ khả năng cháy: 3
Mức độ khả năng phản ứng: 0

Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia Hoa Kỳ NFPA

Lưu ý

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm tại thời điểm biên soạn mà chúng tôi có nhằm mục đích mô tả sản phẩm cho các mục đích về sức khỏe, an toàn và các yêu cầu về môi trường. Vì vậy, nó không được coi là một sự bảo đảm hoặc thông số kỹ thuật chất lượng của sản phẩm.